

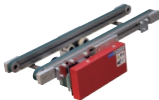
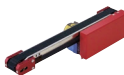
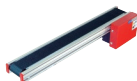
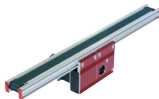
Bạn có thể chọn! Bảng tải chính xác dùng kết hợp thiết bị của NKE!

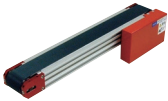
Chiều dài băng tải có thể được chỉ định theo đơn vị **1 mm!**

- ◆ Có thể chỉ định chiều dài của băng tải và khoảng cách giữa các băng tải với đơn vị 1 mm.
- ◆ Băng tải NKE có sẵn trong các mô hình khác nhau tùy theo mục đích sử dụng.
- ◆ NKE không chỉ có thể xử lý các sản phẩm đơn vị tiêu chuẩn mà còn có thể tùy chỉnh nhiều loại tùy theo môi trường và nhu cầu sử dụng của khách hàng, vì vậy vui lòng liên hệ với chúng tôi ngay cả khi bạn không thể tìm thấy sản phẩm bạn đang tìm kiếm.
- ◆ Chúng tôi cũng có các thiết bị ngoại vi như khung cần thiết để xây dựng một dây chuyền vận chuyển, vì vậy có thể thiết kế dây chuyền một cách dễ dàng.

Danh sách thông số kỹ thuật sản phẩm

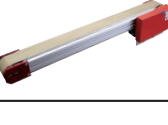
Băng tải dây đai phẳng

Loại	Hình dạng	Đặc điểm nổi bật	Loại máy	Bề rộng dây đai (mm)	Chiều dài giữa các rơng rọc (mm)	Công suất động cơ (W)	
Truyền động giữa		Băng tải siêu nhỏ để vận chuyển các mặt hàng nhỏ. Chuẩn bị chiều rộng dây đai tối thiểu là 12 mm.	CS20	12 , 50	132~2000	6	
Truyền động giữa 2 hàng		Băng tải 2 hàng loại dây đai phẳng. Thích hợp để vận chuyển phôi không có khung nhô ra bên trong dây đai, có bộ phận chốt lên nhỏ như tấm để và có sản phẩm được gắn ở mặt sau của đối tượng được vận chuyển.	CSD30	Thông số kỹ thuật 2 hàng Khoảng cách giữa các dây đai 25~300	501~2000	6 25	
Truyền động đầu		Băng tải nhỏ có đường kính rơng rọc $\phi 30$.	CS30	20	161~1000	1 6	
Truyền động đầu		Loại truyền động đầu dòng CSJ30. Băng tải B31 có đường kính rơng rọc $\phi 30$. Dòng rẽ tiền trong dòng các sản phẩm.	CSJ30-A	30 , 50 , 75 100 , 150 200	180~3000	6 25	
Truyền động giữa	 CSJ30-V	Loại truyền động giữa dòng CSJ30. Băng tải có đường kính rơng rọc là $\phi 30$ ở hai đầu. Hình dạng lắp động cơ truyền động thì có thể chọn từ 3 loại: Loại V: Gắn động cơ thẳng đứng Loại H: Gắn song song động cơ Loại V: Gắn kết nối trực tiếp động cơ Bộ phận truyền động có thể được di chuyển đến bất kỳ vị trí nào ngay cả sau đó. Cũng có thể chọn các thông số kỹ thuật về mép cạnh dao có hiệu quả để vận chuyển con hàng nhỏ.	CSJ30-V		Rơng rọc tròn	Con lắp mép cạnh dao	6 15 25
				30 , 50	142~4000	142~2000	
				75	150~4000	150~2000	
				100	200~4000	200~2000	
				150	300~4000	300~2000	
				200	400~4000	400~2000	
			CSJ30-H	30 , 50	122~4000	122~2000	
				75	150~4000	150~2000	
				100	200~4000	200~2000	
				150	300~4000	300~2000	
				200	400~4000	400~2000	
				200	400~4000	400~2000	
			CSJ30-T	30	61~4000	61~2000	
				50	100~4000	100~2000	
				75	150~4000	150~2000	
				100	200~4000	200~2000	
				150	300~4000	300~2000	
				200	400~4000	400~2000	
Con lắp mép cạnh dao	 CSJ50-H	Loại truyền động giữa dòng CSJ50. Băng tải có đường kính rơng rọc là $\phi 50$ ở hai đầu. Hình dạng lắp động cơ truyền động thì có thể chọn từ 3 loại: Loại V: Gắn động cơ thẳng đứng Loại H: Gắn song song động cơ Loại V: Gắn kết nối trực tiếp động cơ Bộ phận truyền động có thể được di chuyển đến bất kỳ vị trí nào ngay cả sau đó. Cũng có thể chọn các thông số kỹ thuật về mép cạnh dao có hiệu quả để vận chuyển con hàng nhỏ.	CSJ50-V		Rơng rọc tròn	Con lắp mép cạnh dao	6 15 25
				30 , 50	122~4000	122~2000	
				75	150~4000	150~2000	
				100	200~4000	200~2000	
				150	300~4000	300~2000	
				200	400~4000	400~2000	
			CSJ50-H	30 , 50	102~4000	102~2000	
				75	150~4000	150~2000	
				100	200~4000	200~2000	
				150	300~4000	300~2000	
				200	400~4000	400~2000	
				200	400~4000	400~2000	
			CSJ50-T	30	90~4000	90~2000	
				50	100~4000	100~2000	
				75	150~4000	150~2000	
				100	200~4000	200~2000	
				150	300~4000	300~2000	
				200	400~4000	400~2000	

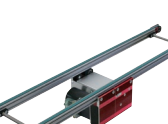
Loại	Hình dạng	Đặc điểm nổi bật	Loại máy	Bề rộng dây đai (mm)	Chiều dài giữa các rơng rọc (mm)	Công suất động cơ (W)
Truyền động đầu		Băng tải độ linh hoạt cao với đường kính rơng rọc $\phi 50$. Có thể lựa chọn từ các loại truyền động đầu và truyền động giữa.	CSSK50	40 , 50 , 75 100 , 150 , 200 300 , 400 , 500	192~4000(6W) 197~4000(15W) 219~4000(25W) 223~4000(40W) (Ghi chú)	6 , 15 25 , 40
Truyền động giữa		9 loại có sẵn với công suất động cơ từ 6 đến 40 W và chiều rộng dây đai từ 40 đến 500 mm. Là băng tải với nhiều biến đổi và dễ sử dụng.	CSSK50M	40 , 50 , 75 100 , 150 200 , 300	308~4000(6W) 320~4000(15W) 335~4000(25W) 341~4000(40W) (Ghi chú)	
Tích hợp động cơ		Băng tải có một động cơ được lắp vào khung, và không có phần nhô ra của động cơ ra bên ngoài. Ba loại đường kính rơng rọc $\phi 50$, 70, 90 có sẵn.	CSS50N	40 , 75	300~2000	1
			CSS70N	60 , 100 , 150	412~2000	6
			CSN90	100 , 150	487~2000	25
Truyền động đầu	 Hình ảnh là đối xứng vị trí lắp động cơ.	Băng tải lớn có đường kính rơng rọc $\phi 90$. Hỗ trợ vận chuyển trọng lượng với động cơ công suất 60 và 90W.	CSH90	150	300~3000	60 , 90
				200	400~3000	
				300	600~3000	

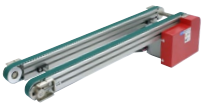
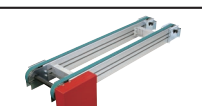
(Ghi chú) Giá trị này biểu thị chiều dài giữa các rơng rọc đối với công suất của động cơ. Nếu chiều rộng dây đai rộng thì chiều dài rơng rọc tối thiểu phải gấp đôi chiều rộng dây đai.

Băng tải dây đai loại đặc thù

Loại	Hình dạng	Đặc điểm nổi bật	Loại máy	Pitch giữa các vành đai (mm)	Chiều dài giữa các rơng rọc Chiều dài giữa các bánh xích (mm)	Công suất động cơ (W)
Truyền động đầu		Băng tải sử dụng dây đai dính kèm tự do. Sử dụng dây đai đặc biệt có thể siết các đồ gá, v.v. vào dây đai băng đai ốc chuyên dụng. Vị trí đai ốc chuyên dụng được chỉ định cứ 10 mm theo chiều dọc và 25 mm theo chiều rộng. Có thể vận chuyển nguồn cấp dữ liệu khoảng cách chính xác cao bằng cách thay đổi động cơ thành động cơ servo hoặc bước.	CSSK50FAT	Bề rộng dây đai (mm) 50 , 75 , 100	400~2000	25 , 40
Truyền động đầu 2 hàng		Băng tải 2 hàng dây đai tròn. Hiệu quả cho việc treo và vận chuyển.	CSR50	Thông số kỹ thuật 2 hàng Khoảng cách giữa các dây đai 10~100	190~2000	6 , 25
Truyền động đầu		Băng tải sử dụng dây đai lưới thép không gỉ. Hiệu quả đối với con hàng có dính dầu và thoát nước bằng việc thổi khí trong quá trình vận chuyển.	CSSK50-W	Bề rộng dây đai (mm) 100 , 150 200 , 300	400~4000	25 , 40
Truyền động đầu		Sử dụng dây đai có khả năng chịu nhiệt lên đến 230 độ.	CSSK70	60 , 100 , 150	237~2000	25 , 40

Băng tải dây đai định thời

Loại	Hình dạng	Đặc điểm nổi bật	Loại máy	Pitch giữa các vành đai (mm)	Chiều dài giữa các rơng rọc (mm)	Công suất động cơ (W)
Truyền động đầu 2 hàng		Loại truyền động đầu dòng CSB30. Băng tải hai hàng có đường kính rơng rọc là $\phi 30$.	CSB30-A	Thông số kỹ thuật 2 hàng Khoảng cách giữa các dây đai 40~300	285~2000	6 , 25
Truyền động giữa 2 hàng	 CSB30-V	Loại truyền động giữa dòng CSB30. Băng tải 2 hàng có đường kính rơng rọc là $\phi 30$ ở hai đầu. Hình dạng lắp động cơ truyền động thì có thể chọn từ 3 loại: Loại V: Gắn động cơ thẳng đứng Loại H: Gắn song song động cơ Loại V: Gắn kết nối trực tiếp động cơ Bộ phận truyền động có thể được di chuyển đến bất kỳ vị trí nào ngay cả sau đó.	CSB30-V	Thông số kỹ thuật 2 hàng Khoảng cách giữa các dây đai 40~300	252~2000	6 , 15 25
			CSB30-H		234~2000	
			CSB30-T		171~2000	

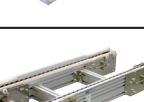
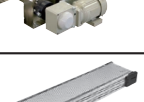
Loại	Hình dạng	Đặc điểm nổi bật	Loại máy	Pitch giữa các vành đai (mm)	Chiều dài giữa các rơng rọc (mm)	Công suất động cơ (W)
Truyền động đầu 2 hàng		Băng tải 2 hàng với đường kính rơng rọc $\varnothing 50$. Có thể lựa chọn từ các loại truyền động đầu và truyền động giữa.	CSB50A	Thông số kỹ thuật 2 hàng Khoảng cách giữa các dây đai 80~300	300~3000	40
Truyền động giữa 2 hàng			CSB50AM		400~3000	
Truyền động đầu		Băng tải hai hàng có đường kính rơng rọc là $\varnothing 50$. Vì là dây đai định thời nên dây đai không bị trượt. Có thể vận chuyển nguồn cấp dữ liệu khoảng cách chính xác cao bằng cách thay đổi động cơ thành động cơ servo hoặc động cơ bước.	CSSK50-T	Bề rộng dây đai (mm) 40 , 50 , 75 100 , 150	400~4000	25 , 40
Truyền động đầu 2 hàng	  Hình ảnh là đối xứng vị trí lắp động cơ.	Băng tải 2 hàng loại lớn. Hỗ trợ vận chuyển trọng lượng với công suất động cơ 60 và 90 W Hình dạng lắp động cơ truyền động có 2 loại: Loại A: Kết nối trực tiếp với động cơ Loại A- MD: Được gắn dưới động cơ	CSB89A-MD	Thông số kỹ thuật 2 hàng Khoảng cách giữa các dây đai 80~500	325~5000	60 , 90
			CSB89A	Thông số kỹ thuật 2 hàng Khoảng cách giữa các dây đai 80~500	325~5000	60 , 90

Băng tải xích nhựa

Loại	Hình dạng	Đặc điểm nổi bật	Loại máy	Bề rộng xích (mm)	Chiều dài giữa các bánh xích (mm)	Công suất động cơ (W)
Truyền động đầu		"Băng tải có đường kính rơng rọc $\varnothing 50$. Vì nó là loại xích nên việc bảo trì chẳng hạn như thay thế xích rất dễ dàng. Bề mặt đai có thể được chọn từ loại phẳng không có lỗ và loại lưới với tỷ lệ mở lỗ 25%, và vật liệu có thể được chọn từ PP (polypropylene) và POM (polyacetal).	CSSK50-P	50 , 100 150 , 200	400~4000	25 , 40
Truyền động đầu 2 hàng		Băng tải xích nhựa 2 hàng.	CSB50-PP	Thông số kỹ thuật 2 hàng khoảng cách giữa các xích 80~300	300~3000	40
Truyền động đầu 2 hàng		Băng tải xích đầu kẹp 2 hàng. Xích đầu kẹp là xích kim loại có gắn lớp vỏ nhựa và khả năng vận chuyển hơn xích nhựa.	CSB50-PS	Thông số kỹ thuật 2 hàng khoảng cách giữa các xích 80~300	300~3000	40
Truyền động đầu 2 hàng	 CSB89A-PP Hình ảnh là đối xứng vị trí lắp động cơ.	Băng tải xích nhựa 2 hàng loại lớn. Hỗ trợ vận chuyển trọng lượng với công suất động cơ 60 và 90 W Hình dạng lắp động cơ truyền động có 2 loại: Loại A: Kết nối trực tiếp với động cơ Loại A- MD: Được gắn dưới động cơ	CSB89A-PP-MD	Thông số kỹ thuật 2 hàng khoảng cách giữa các xích 80~500	325~5000	60 , 90
			CSB89A-PP	Thông số kỹ thuật 2 hàng khoảng cách giữa các xích 80~500	325~5000	60 , 90
		Băng tải xích đầu kẹp 2 hàng loại lớn. Hỗ trợ vận chuyển trọng lượng lên đến 200 kg với công suất động cơ 60, 90, 200 W. Xích đầu kẹp là xích kim loại có gắn lớp vỏ nhựa và khả năng vận chuyển hơn xích nhựa. Hình dạng lắp động cơ truyền động có 2 loại: Loại A: Kết nối trực tiếp với động cơ Loại A- MD: Được gắn dưới động cơ	CSB89A-PS-MD	Thông số kỹ thuật 2 hàng khoảng cách giữa các xích 80~500	325~5000	60 , 90 200
			CSB89A-PS	Thông số kỹ thuật 2 hàng khoảng cách giữa các xích 80~500	325~5000	60 , 90 200
Truyền động đầu		Là băng tải có lớp vỏ chính hãng được gắn vào xích kim loại. Vật liệu lớp vỏ có thể được chọn từ loại tiêu chuẩn và loại dẫn điện.	CSQ69	80~500	325~5000	60 , 90
Truyền động đầu 2 hàng		Băng tải xích nhựa 2 hàng chuyên sử dụng ở phạm vi máy gia công. Được trang bị tiêu chuẩn với lớp vỏ bảo vệ động cơ khỏi bị dính dầu cắt và động cơ có hộp đầu dây lớn. Hiệu quả dễ vận chuyển con hàng có phần nhô ra trên bề mặt sau của con hàng, không có khung nhô ra phía trong xích. Vì lực căng của xích vận chuyển được cung cấp ở phía bộ truyền động, nên việc bảo trì xích sẽ dễ dàng ngay cả khi bộ phận dẫn động được lắp vào máy gia công.	CSQ113K	Thông số kỹ thuật 2 hàng khoảng cách giữa các xích 24~100	300~3000	90

Danh sách thông số kỹ thuật sản phẩm

Bảng tải xích con lăn

Loại	Hình dạng	Đặc điểm nổi bật	Loại máy	Bề rộng xích (mm)	Chiều dài giữa các bánh xích (mm)	Công suất động cơ (W)
Truyền động đầu		Bảng tải xích con lăn trên cùng 2 hàng loại lớn. Hiệu quả để tích lũy con hàng bằng cách sử dụng con lăn trên cùng.	CSP61A-MD	Thông số kỹ thuật 2 hàng khoảng cách giữa các xích 80~500	325~5000	60 90 200
	 Hình ảnh là đối xứng vị trí lắp động cơ.	Hỗ trợ vận chuyển trọng lượng với động cơ công suất 60, 90, 200W. Hình dạng lắp động cơ truyền động thì chuẩn bị 2 loại: Loại A: Kết nối trực tiếp với động cơ Loại A-MD: Được gắn bên dưới động cơ	CSP61A	Thông số kỹ thuật 2 hàng khoảng cách giữa các xích 80~500	325~5000	60 90 200
Truyền động đầu		Bảng tải xích tốc độ kép 2 hàng loại lớn. Hiệu quả cho vận tải tốc độ cao sử dụng xích tốc độ kép.	CSW62A-MD	Thông số kỹ thuật 2 hàng khoảng cách giữa các xích 80~500	325~5000	60 90 200
	 Hình ảnh là đối xứng vị trí lắp động cơ.	Hỗ trợ vận chuyển chuyển trọng lượng với động cơ công suất 60, 90, 200W. Hình dạng lắp động cơ truyền động thì chuẩn bị 2 loại: Loại A: Kết nối trực tiếp với động cơ Loại A-MD: Được gắn bên dưới động cơ	CSW62A	Thông số kỹ thuật 2 hàng khoảng cách giữa các xích 80~500	325~5000	60 90 200
Truyền động đầu		Dòng khung CSW62 có thể được thay đổi thành hình dạng cho phép gắn trực tiếp dẫn hướng con hàng và có thể dễ dàng gắn thanh dẫn hướng.	CSW62G	Thông số kỹ thuật 2 hàng khoảng cách giữa các xích 80~500	325~5000	60 90 200
	 Hình ảnh là đối xứng vị trí lắp động cơ.	Hình dạng lắp động cơ bộ truyền động thì chỉ mỗi loại A: kết nối trực tiếp động cơ.				
Truyền động đầu		Bảng tải xích tốc độ kép 2 hàng loại lớn. Hiệu quả cho việc vận chuyển tốc độ cao các vật nặng bằng cách sử dụng xích tốc độ gấp đôi lớn hơn dòng CSW62. Vật liệu của con lăn xích có thể được lựa chọn từ nhựa kỹ thuật và thép. Với công suất động cơ 400 W, con lăn thép có thể chở được khối lượng lên đến 690 kg.	CSW103	150~500	600~5000	400
Truyền động đầu		Bảng tải sử dụng xích bản con lăn. Hiệu quả để tích lũy phối bằng cách sử dụng bản con lăn.	CSO89	100 150 200	225~3000	60 90

Bảng tải xích mặt bàn

Loại	Hình dạng	Đặc điểm nổi bật	Loại máy	Khoảng cách xích Bề rộng tấm (mm)	Chiều dài giữa các bánh xích (mm)	Công suất động cơ (W)
Truyền động đầu	 	Bảng tải sử dụng xích mặt bàn. Vật liệu mặt bàn có thể được chọn từ nhựa kỹ thuật và SUS. Vật liệu bản nhựa kỹ thuật hiệu quả để vận chuyển hàng dễ trượt xước, và SUS hiệu quả để vận chuyển hàng có gờ và cạnh.	CSQ86-P	50	225~3000	60 90
			CSQ88-S	63 , 75 100 , 125 150	225~3000	60 90
			CSQ88-P	63 , 75 100 , 125 150	225~3000	60 90
	 Hình ảnh là đối xứng vị trí lắp động cơ.	Bảng tải sử dụng xích mặt bàn chuyên sử dụng ở phạm vi máy gia công. Được trang bị tiêu chuẩn với lớp vỏ bảo vệ động cơ khỏi bị dính dầu gia công và động cơ có hộp đầu dây lớn. Vị trí căng của xích vận chuyển có thể được chọn từ bộ phận truyền động và bộ phận dẫn động, và việc bảo trì xích dễ dàng ngay cả khi nó được lắp vào máy gia công. Vật liệu mặt bàn có thể được chọn từ nhựa kỹ thuật và SUS. Vật liệu bản nhựa kỹ thuật hiệu quả để vận chuyển hàng dễ trượt xước, và SUS hiệu quả để vận chuyển hàng có gờ và cạnh.	CSQ88K-S	63 , 100 125 , 150	300~3000	90
			CSQ88K-P	82 , 114 190	300~3000	90

NKE Corporation

- ◆ trụ sở chính
366-1, Hishikawa-cho, Hazukashi, Fushimi-ku, Kyoto, Japan
- ◆ E-mail
nke.vietnam@nke.co.jp
- ◆ HP
<https://www.nke.co.jp/>

◆ Xin lưu ý rằng nội dung của tài liệu này có thể thay đổi mà không cần báo trước.
©2021 NKE Corporation